

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 55

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Đặng Ngọc Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Gerardo C. Ablaza, Jr	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông John Eric T. Francia	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Khắc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc đầu tư
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Giám đốc kế hoạch hành chính
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Giám đốc Phát triển dự án và quản lý vốn

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 31.08/2016/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, được lập ngày 29 tháng 8 năm 2016, từ trang 4 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lương Xuân Trường
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2013-072-1

Tp. Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.961.274.803.607	2.419.623.540.149
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	602.775.296.061	410.397.717.943
1. Tiền	111		502.775.296.061	230.397.717.943
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	180.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		130.281.111.111	238.380.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	14.d	130.281.111.111	238.380.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.078.850.228.214	1.629.995.877.619
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	466.979.645.507	36.979.645.507
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	577.077.157.074	505.450.124.000
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7.a	827.985.143.784	874.631.105.090
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	217.144.510.216	223.271.231.389
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9.a	(10.336.228.367)	(10.336.228.367)
IV. Hàng tồn kho	140		113.192.335.524	113.481.305.027
1. Hàng tồn kho	141	10	113.192.335.524	113.481.305.027
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.175.832.697	27.368.639.560
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.161.697.294	854.151.025
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.a	14.135.403	26.514.488.535
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.444.587.115.442	5.487.013.641.615
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		228.924.138.775	149.381.149.070
4. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7.b	70.422.987.305	25.650.997.600
5. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	158.501.151.470	168.730.151.470
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9.b	-	(45.000.000.000)
II. Tài sản cố định	220		424.073.879.081	554.848.240.001
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.929.595.454	2.123.530.574
- Nguyên giá	222		6.543.810.400	6.543.810.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.614.214.946)	(4.420.279.826)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	422.144.283.627	552.724.709.427
- Nguyên giá	228		1.058.840.204.896	1.058.840.204.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(636.695.921.269)	(506.115.495.469)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		507.140.695.146	129.715.904.304
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	507.140.695.146	129.715.904.304
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	4.209.561.292.992	4.570.121.122.392
1. Đầu tư vào công ty con	251	14.a	2.721.893.758.367	3.048.735.623.793
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14.b	448.050.000.000	735.351.009.435
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14.c	573.406.943.900	332.281.009.485
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	14.c,b	(31.485.412.415)	(7.372.998.435)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	14.d	497.696.003.140	461.126.478.114
VI. Tài sản dài hạn khác	260		74.887.109.448	82.947.225.848
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	74.887.109.448	82.947.225.848
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.405.861.919.049	7.906.637.181.764

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.943.272.731.532	5.512.270.309.707
I. Nợ ngắn hạn	310		1.802.907.748.811	1.451.568.831.013
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	277.733.436.830	261.835.836.156
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	38.906.532.155	2.292.076.837
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18.b	27.763.126.554	1.025.180.677
4. Phải trả người lao động	314		-	15.795.528.920
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	1.035.822.652.880	698.854.621.669
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	240.639.564.027	314.784.834.672
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	146.050.777.680	146.050.777.680
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		35.991.658.685	10.929.974.402
II. Nợ dài hạn	330		3.140.364.982.721	4.060.701.478.694
7. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	308.805.016.420	319.873.515.038
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	2.763.803.966.301	2.946.246.184.648
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	22	67.756.000.000	794.581.779.008
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.462.589.187.517	2.394.366.872.057
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	3.462.589.187.517	2.394.366.872.057
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.738.282.370.000	2.280.640.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.738.282.370.000	2.280.640.380.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		380.201.352.877	150.831.459.777
5. Cổ phiếu quỹ	415		(196.643.412.000)	(196.643.412.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		160.185.827.426	119.870.298.143
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		380.563.049.214	39.668.146.137
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	15.798.945.768
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		380.563.049.214	23.869.200.369
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.405.861.919.049	7.906.637.181.764



Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	197.849.130.000	183.276.790.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	7.788.000.000	6.570.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	190.061.130.000	176.706.790.000
4. Giá vốn hàng bán	11	25	134.537.408.400	115.830.931.280
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.523.721.600	60.875.858.720
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	591.419.774.163	630.011.351.554
7. Chi phí tài chính	22	27	167.596.008.835	216.571.596.685
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		166.851.499.001	158.616.052.285
8. Chi phí bán hàng	25	28	1.645.923.879	1.558.975.792
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	(28.167.949.619)	38.559.449.008
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		505.869.512.668	434.197.188.789
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		49.978.334	3.712.302.035
13. Lợi nhuận khác	40		(49.978.334)	(3.712.302.035)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		505.819.534.334	430.484.886.754
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	74.744.029.944	66.766.924.177
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		431.075.504.390	363.717.962.577



Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng




Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	505.819.534.334	430.484.886.754
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	130.774.360.920	112.475.634.300
Các khoản dự phòng	03	(20.887.586.020)	17.165.395.033
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(584.203.421.706)	(630.011.351.554)
Chi phí lãi vay	06	166.851.499.001	158.616.052.285
Các khoản điều chỉnh khác	07	(25.466.953.696)	(2.564.257.847)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	172.887.432.833	86.166.358.971
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(83.288.734.314)	29.081.171.454
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(13.723.299)	15.643.938.492
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	38.970.694.670	30.066.427.014
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.924.231.016)	3.283.026.492
Tiền lãi vay đã trả	14	(144.445.969.223)	(175.531.412.373)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.944.502.034)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.000.000	12.900.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(100.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(38.754.032.383)	(98.390.489.950)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(436.338.414.436)	(345.953.624.924)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(517.689.502.373)	(1.639.068.616.205)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	616.592.837.837	1.091.832.409.419
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(335.920.000.000)	(977.901.391.276)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	205.665.122.000	1.439.466.585.602
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	209.853.682.069	188.563.123.133
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(257.836.274.903)	(243.061.514.251)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.496.306.676.311	1.618.208.943.120
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.006.926.196.217)	(1.164.551.603.016)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(412.594.690)	(229.525.328.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	488.967.885.404	224.132.011.804
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	192.377.578.118	(117.319.992.397)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	410.397.717.943	387.209.093.464
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	602.775.296.061	269.889.101.067

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Các thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác phát sinh trong kỳ (mã số 21) là 436.338.414.436 VND, chủ yếu là tiền chi liên quan đến dự án B.T xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Dòng tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ (mã số 25) bao gồm số tiền Công ty chi đầu tư vào công ty con là 303.670.000.000 VND và chi đầu tư vào công ty liên kết là 32.250.000.000 VND.

Dòng tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ (mã số 26) bao gồm khoản tiền bán cổ phiếu của công ty con với giá trị là 95.299.000.000 VND, tiền bán cổ phiếu của các công ty liên kết với giá trị là 77.422.870.000 VND, khoản nhận trước tiền bán cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng cầu Sài Gòn với giá trị là 12.570.900.000 VND và thu hồi khoản tiền đặt cọc mua cổ phần Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 (CIENCO 5) với giá trị là 10.186.176.000 VND.

Dòng tiền thu từ đi vay phát sinh trong kỳ (mã số 33) là 1.496.306.676.311 VND, bao gồm tổng số tiền vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng là 1.026.826.676.311 VND và số tiền nhận hỗ trợ vốn kinh doanh từ các công ty con trong tập đoàn là 469.480.000.000 VND.

Trong kỳ, nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu chuyển đổi của Công ty đã thực hiện chuyển đổi tổng trái phiếu trị giá 687.011.883.100 VND thành cổ phiếu. Một khoản tăng vốn chủ sở hữu và giảm nợ vay tương ứng đã được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán mà không ảnh hưởng đến các dòng tiền phát sinh của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện hoán đổi 491.275.000.000 VND trái phiếu phát hành cho nhà đầu tư Metro Pacific Tollways Corporation (MPTC) với 27.293.050 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R). Một khoản giảm nợ vay tương ứng với giảm giá trị đầu tư vào công ty con và lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mà không ảnh hưởng đến các dòng tiền phát sinh của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và qua các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty là 2.738.282.370.000 VND, được chia thành 273.828.237 cổ phần bằng nhau (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.280.640.380.000 VND tương ứng với 228.064.038 cổ phần), mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016: 155 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 163).

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thực hiện thu phí giao thông đường bộ; đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện hoán đổi 491.275.000.000 VND trái phiếu phát hành cho nhà đầu tư Metro Pacific Tollways Corporation (MPTC) với 27.293.050 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R). Ngày 8 tháng 6 năm 2016, Công ty đã thực hiện thành công giao dịch bán 4.130.000 cổ phiếu của CII B&R. Như vậy, tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tỷ lệ nắm giữ của Công ty trong công ty con này giảm từ 81,51% xuống còn 65,22%.

Ngày 24 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt nghị quyết thành lập doanh nghiệp dự án là Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm với số vốn điều lệ là 340 tỷ VND để triển khai thực hiện dự án BT Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Bắc và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam trong khu đô thị mới Thủ Thiêm. Công ty đang thực hiện góp vốn đầu tư vào công ty con này trong kỳ.

Trong kỳ, các trái chủ do Goldman Sachs Asset Management quản lý đã thực hiện chuyển đổi toàn bộ 25.000.000 USD trái phiếu phát hành vào tháng 1 năm 2011 thành 29.727.391 cổ phiếu CII, giá chuyển đổi là 18.800 VND/cổ phiếu. Ngày 26 tháng 1 năm 2016, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh - HFIC đã thực hiện chuyển đổi toàn 44.424.000.000 VND trái phiếu phát hành vào tháng 1 năm 2011 thành 2.362.978 cổ phiếu CII, giá chuyển đổi là 18.800 VND/cổ phiếu. Ngày 17 tháng 6 năm 2016, các trái chủ nắm giữ trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2014 (CII41401) đã thực hiện chuyển đổi 150.428 trái phiếu thành 13.673.830 cổ phiếu với tỷ lệ chuyển đổi là 1:90,9.

Như vậy, tổng vốn điều lệ của Công ty đã tăng 457.641.990.000 VND, tương đương với 45.764.199 cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
1. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	55,94%	55,94%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	TP. Hồ Chí Minh	65,22%	65,22%	Đầu tư vào các dự án cầu đường
3. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	TP. Hồ Chí Minh	99,54%	99,54%	Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật
4. Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	TP. Hồ Chí Minh	100%	90%	Kinh doanh bất động sản.
5. Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	TP. Hồ Chí Minh	98,85%	98,85%	Xây dựng, lắp đặt các công trình giao thông, cấp-thoát nước, thu phí giao thông cầu Bình Triệu
7. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng
8. Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiêm	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư vào dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc -Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm theo hợp đồng B.T
Các công ty liên doanh, liên kết				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	TP. Hồ Chí Minh	49,5%	49,5%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Hòa Phú	TP. Hồ Chí Minh	28,95%	28,95%	Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Ngoài các công ty đang đầu tư trực tiếp, Công ty còn có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con khác như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn				
<u>Công ty con</u>				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	TP. Hồ Chí Minh	47,55%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	50,35%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	34,52%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	28,52%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước châu Á	TP. Hồ Chí Minh	28,53%	51%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước
6. Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - Cần Thơ	TP. Hồ Chí Minh	55,94%	77%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
<u>Công ty liên kết</u>				
1. Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	16,03%	28,66%	Cung cấp dịch vụ thu hộ tiền nước sinh hoạt
2. Công ty Cổ phần Cấp Nước Cần Thơ	TP. Cần Thơ	17,46%	31,56%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII				
<u>Công ty con</u>				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	33,26%	51,00%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Ninh Thuận	65,21%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
3. Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Ninh Thuận	65,22%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 2
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	68,68%	99,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
5. Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ gia	TP. Hồ Chí Minh	64,44%	98,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện
6. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	TP. Hồ Chí Minh	65,21%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
7. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	TP. Hồ Chí Minh	65,22%	100,00%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
8. Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	65,21%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
9. Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Tỉnh Bình Dương	65,21%	99,99%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng
<u>Công ty liên doanh, liên kết</u>				
1. Công ty TNHH BOT cầu rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	32,45%	49,75%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Miễu
2. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	TP. Hồ Chí Minh	6,52%	10%	Đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII				
<u>Công ty con</u>				
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	99,54%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu về cho vay, các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có được quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty đó.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư từ sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các lợi ích khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cũng được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài Chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	7 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền thu phí giao thông, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án theo hợp đồng đã ký.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T là chi phí phát sinh trong giai đoạn thu phí hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản chi phí trả trước (tiếp theo)

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, chi phí in vé cầu đường, chi phí công cụ, dụng cụ ... Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trái phiếu phát hành

Các khoản trái phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính trên cơ sở giá trị thuần bằng giá trị của trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) chiết khấu trái phiếu cộng (+) các khoản phụ trội của trái phiếu.

Các khoản chiết khấu và phụ trội của trái phiếu được theo dõi chi tiết theo từng loại trái phiếu phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hàng kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cầu phần nợ (nợ gốc) và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cầu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí đi vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí đi vay phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ đầu tư các dự án B.O.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức 14% theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	562.092.582	45.124.145
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	502.213.203.479	230.352.593.798
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	180.000.000.000
Cộng	602.775.296.061	410.397.717.943

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh về giá trị đầu tư dự án Tỉnh lộ 25B	36.663.160.758	36.663.160.758
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư 577 giá trị chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty TNHH MTV Trường Thuận Phát	430.000.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	316.484.749	316.484.749
Cộng	466.979.645.507	36.979.645.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	292.310.245.159	300.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	161.389.822.479	200.000.000.000
Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	113.976.176.508	-
Các đối tượng khác	9.400.912.928	5.450.124.000
Cộng	577.077.157.074	505.450.124.000

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	161.389.822.479	200.000.000.000

Số dư trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc và Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII là khoản tạm ứng theo hợp đồng thầu phụ để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (Khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Cho vay ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (c)	730.282.901.652	711.034.040.392
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	53.597.064.698	53.597.064.698
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	44.105.177.434	110.000.000.000
Cộng	827.985.143.784	874.631.105.090
b. Cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	44.771.989.705	-
Các khoản hợp tác đầu tư vốn vào các dự án khác	25.650.997.600	25.650.997.600
Cộng	70.422.987.305	25.650.997.600
Tổng cộng	898.408.131.089	900.282.102.690

c. Số dư cho vay đối với các bên liên quan

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (ii)	481.250.500.000	462.850.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (iii)	163.354.833.606	131.139.833.606
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (iv)	78.127.568.046	109.493.706.786
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	7.550.000.000	7.550.000.000
Cộng	730.282.901.652	711.034.040.392

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc vay được thực hiện theo hợp đồng ký ngày 2 tháng 12 năm 2015 với lãi suất cho vay cố định là 10%/năm. Mục đích cho vay là để bên đi vay tăng nguồn năng lực hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh. Hạn mức cho vay là 150 tỷ VND và có thời hạn giải ngân trong vòng 18 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu Cầu Đường CII vay có thời hạn là 12 tháng kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2015. Mục đích cho vay là để Công ty con góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận - Doanh nghiệp dự án thực hiện đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ 1 phần vốn đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để đầu tư vào dự án. Lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiết kiệm tiền gửi cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân + biên độ 3%/năm.

(iii) Khoản cho Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn mỗi khoản vay là 12 tháng, lãi cho vay áp dụng trong năm 2016 là 9,4%/năm.

(iv) Khoản cho Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII vay để bổ sung vốn thi công mở rộng Xa Lộ Hà Nội, thời hạn của mỗi khoản vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 9%/năm.

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Phải thu về lãi trái phiếu, tiền gửi và các khoản cho vay	62.817.773.126	60.645.707.043
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	90.053.646.349	93.435.902.349
Nợ gốc trái phiếu đã đáo hạn	-	25.500.000.000
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc (i)	15.576.000.000	13.140.000.000
Lãi chậm thanh toán các khoản phí chuyển nhượng các khoản đầu tư	11.677.041.123	11.677.041.123
Tạm ứng kinh phí thực hiện dự án xây dựng hạ tầng BT Thủ Thiêm	11.219.625.446	-
Đặt cọc mua cổ phần Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 (CIENCO 5)	-	10.186.176.000
Phải thu người lao động	694.812.500	135.000.000
Các khoản phải thu khác	25.105.611.672	8.551.404.874
Cộng	217.144.510.216	223.271.231.389
b. Phải thu dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	101.821.277.860	101.826.277.860
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng đã đáo hạn	45.000.000.000	45.000.000.000
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc	11.679.873.610	21.903.873.610
Cộng	158.501.151.470	168.730.151.470
Tổng cộng	375.645.661.686	392.001.382.859

(i) Số dư thể hiện giá trị lãi vốn chủ sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí trong 12 tháng tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. NỢ XẤU

	30/06/2016			01/01/2016			Đối tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể		Giá gốc VND	Giá trị có thể		
		thu hồi VND	Thời gian quá hạn		thu hồi VND	Thời gian quá hạn	
a. Ngắn hạn	10.336.228.367	-		10.336.228.367	-		
Phải thu lãi trái phiếu	6.470.833.334	-	>3 năm	6.470.833.334	-	>3 năm	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng
Phải thu về lãi cho vay	2.165.395.033	-	>3 năm	2.165.395.033	-	>3 năm	Công ty Cổ phần Cổ Mễ - Vườn Việt
Phải thu về cổ tức được chia	1.700.000.000	-	>3 năm	1.700.000.000	-	>3 năm	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PTL
b. Dài hạn	-	-		45.000.000.000	-		
Nợ gốc trái phiếu	-	-		45.000.000.000	-	>2 năm	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng
Cộng	10.336.228.367	-		55.336.228.367	-		

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí các dự án đang đầu tư	113.192.335.524	-	113.481.305.027	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	176.846.400	6.331.864.000	35.100.000	6.543.810.400
Tại ngày 30/06/2016	176.846.400	6.331.864.000	35.100.000	6.543.810.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	176.846.400	4.208.333.426	35.100.000	4.420.279.826
Khấu hao trong kỳ	-	193.935.120	-	193.935.120
Tại ngày 30/06/2016	176.846.400	4.402.268.546	35.100.000	4.614.214.946
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2016	-	2.123.530.574	-	2.123.530.574
Tại ngày 30/06/2016	-	1.929.595.454	-	1.929.595.454

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016 là 1.395.131.770 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2016	1.058.840.204.896
Tại ngày 30/06/2016	<u>1.058.840.204.896</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2016	506.115.495.469
Khấu hao trong kỳ	130.580.425.800
Tại ngày 30/06/2016	<u>636.695.921.269</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2016	552.724.709.427
Tại ngày 30/06/2016	<u>422.144.283.627</u>

Công ty được quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đã ứng xây dựng cầu Rạch Chiếc mới theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông ngày 2 tháng 12 năm 2008 ký với Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và các phụ lục. Công ty bắt đầu thực hiện thu phí từ 0h ngày 1 tháng 6 năm 2013. Nguyên giá của quyền thu phí này hiện đang được Công ty tạm xác định và có thể sẽ được điều chỉnh lại sau khi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quyết toán lại giá trị đầu tư của dự án Xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới.

Công ty khấu hao quyền thu phí giao thông này theo phương pháp tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong kỳ là 66%.

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền và các lợi ích kinh tế khác từ quyền thu phí giao thông để đảm bảo cho các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 20.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Dự án B.O.T xây dựng Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	82.890.602.569	80.421.768.096
Dự án xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm	404.796.702.691	42.346.301.419
Dự án Khu nhà ở Lake View - Khu Đô thị mới Thủ Thiêm Q.2	14.016.539.994	1.892.980.863
Các dự án khác	5.436.849.892	5.054.853.926
Cộng	<u>507.140.695.146</u>	<u>129.715.904.304</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (i)	1.322.938.694.650	-	2.892.870.034.000	1.653.450.560.076	-	3.709.920.188.800
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (i)	485.383.662.063	-	849.023.500.000	485.383.662.063	-	878.412.775.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	415.518.513.904	-	-	415.518.513.904	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	270.000.000.000	-	-	270.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	69.382.887.750	-	-	69.382.887.750	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Bắc Thủ Thiêm	3.670.000.000	-	-	-	-	-
Cộng	2.721.893.758.367	-	3.741.893.534.000	3.048.735.623.793	-	4.588.332.963.800

(i) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII và Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu các công ty này niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.

Giá trị hợp lý của các công ty con còn lại không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các công ty con trong kỳ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn		
Mua thêm cổ phiếu tăng tỷ lệ sở hữu	-	92.797.598.748
Chia lợi nhuận từ dự án chung cư Diamond Riverside	15.757.994.832	-
Nhận đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	32.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII		
Công ty con phát hành cổ phiếu riêng lẻ và chuyển đổi trái phiếu cho công ty mẹ	-	357.000.000.000
Cho vay	18.400.000.000	827.350.500.000
Thu hồi tiền cho vay	-	9.000.000.000
Hoàn trả vốn và lợi nhuận hợp tác đầu tư quyền thu phí giao thông trạm Xa Lộ Hà Nội	43.318.498.618	21.640.673.340
Chi lợi nhuận hợp tác đầu tư quyền thu phí giao thông trạm Xa Lộ Hà Nội	9.549.542.747	15.099.261.574
Chuyển nhượng các khoản đầu tư vào các công ty dự án cầu đường	-	1.049.920.010.784
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	169.500.000.000	-
Hoàn trả vốn công ty con hỗ trợ	208.238.088.702	-
Phải thu lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	56.625.446.939
Lãi cho vay phải thu	10.285.972.826	16.424.989.688
Lãi vay phải trả	6.588.344.182	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	94.320.004.800	15.570.982.800
Mua hàng	-	295.446.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII		
Cho vay	304.400.000.000	732.718.116.205
Thu hồi tiền cho vay	335.766.138.740	797.224.409.419
Lãi cho vay phải thu	6.534.522.552	2.116.486.288
Nhận cổ tức từ công ty con	8.000.000.000	-
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	-	68.147.910.400
Hoàn trả vốn hỗ trợ cho công ty con	-	68.147.910.400
Chi phí sử dụng vốn phải trả công ty con	-	368.498.395
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ		
Lợi nhuận được chia	8.500.000.000	8.400.000.000
Chi phí sử dụng vốn phải trả công ty con	7.462.411.776	7.521.291.972
Các khoản chi hộ	235.488.000	225.825.600
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia		
Thu hồi tiền cho vay	-	73.800.000.000
Lãi cho vay phải thu	351.158.888	818.166.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các công ty con trong kỳ (tiếp theo)

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu		
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	-	43.500.000.000
Chi phí sử dụng vốn phải trả công ty con	2.662.844.444	1.579.819.447
Các khoản chi hộ	235.488.000	225.825.600
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Phí dịch vụ thu hộ phí giao thông phải trả	1.305.804.258	1.209.626.814
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	8.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	311.850.000.000	-	-	311.850.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	103.200.000.000	-	-	70.950.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Hòa Phú	33.000.000.000	-	-	33.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	-	-	-	6.967.896.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	-	-	312.583.113.435	(7.372.998.435)	305.210.115.000
Cộng	448.050.000.000	-	-	735.351.009.435	(7.372.998.435)	305.210.115.000

Giá trị hợp lý của các công ty liên kết không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	98.232.750.000
Thu hồi tiền cho vay	-	42.440.000.000
Lãi cho vay phải thu	-	895.955.557
Chi phí sử dụng vốn phải trả	7.469.852.966	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp		
Góp vốn	32.250.000.000	12.900.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (i)	250.125.934.415	(31.485.412.415)	218.640.522.000	-	-	-
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	183.750.000.000	-	-	183.750.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	75.331.009.485	-	-	75.331.009.485	-	-
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	29.700.000.000	-	-	29.700.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	29.500.000.000	-	-	29.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và XD cầu Đồng Nai	-	-	-	9.000.000.000	-	-
Cộng	573.406.943.900	(31.485.412.415)	218.640.522.000	332.281.009.485	-	-

(i) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu công ty này niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
a) Ngắn hạn				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	130.281.111.111	-	238.380.000.000
b) Dài hạn				
Vốn hợp tác đầu tư vào Dự án chung cư Diamond Riverside	-	495.530.608.107	-	458.961.083.081
Vốn hợp tác đầu tư vào Dự án khu Cổ Mễ - Vườn Việt	-	2.165.395.033	-	2.165.395.033
Cộng		497.696.003.140		461.126.478.114

Công ty không thực hiện đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào các dự án tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 vì các dự án này đang trong giai đoạn đầu tư, chưa có đầy đủ cơ sở cho việc đánh giá lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc chờ phân bổ (i)	72.198.806.326	82.183.153.742
Chi phí phát triển dự án chờ phân bổ	2.090.425.421	-
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	187.223.444	527.343.065
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	410.654.257	236.729.041
Cộng	74.887.109.448	82.947.225.848

(i) Chi phí lãi vay của các khoản vay tài trợ cho dự án B.O.T cầu Rạch Chiếc mới phát sinh trong thời gian thu phí hoàn vốn được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ 13,2% trên doanh thu phát sinh trong năm. Phương pháp phân bổ chi phí lãi vay này đã được Bộ tài chính chấp thuận tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn	273.661.353.528	273.661.353.528	259.770.714.696	259.770.714.696
Nhà cung cấp khác	4.072.083.302	4.072.083.302	2.065.121.460	2.065.121.460
Cộng	277.733.436.830	277.733.436.830	261.835.836.156	261.835.836.156

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn	273.661.353.528	273.661.353.528	259.770.714.696	259.770.714.696
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	246.069.846	246.069.846	249.271.902	249.271.902
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	11.332.527	11.332.527	11.332.527	11.332.527
Cộng	273.918.755.901	273.918.755.901	260.031.319.125	260.031.319.125

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Khách hàng cá nhân mua căn hộ dự án Khu nhà ở Lake View - Khu đô thị mới Thủ Thiêm	35.498.828.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	1.115.627.318	-
Các khách hàng khác	2.292.076.837	2.292.076.837
	38.906.532.155	2.292.076.837

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.514.488.535	26.514.488.535	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	14.135.403	14.135.403
Cộng	26.514.488.535	26.514.488.535	14.135.403	14.135.403
b. Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	48.229.541.409	20.944.502.034	27.285.039.375
Thuế thu nhập cá nhân	433.338.572	6.633.201.876	6.588.453.269	478.087.179
Thuế nhà thầu	591.842.105	2.824.573.530	3.416.415.635	-
Các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.025.180.677	57.690.316.815	30.952.370.938	27.763.126.554

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Bảo hiểm xã hội	21.985.605	65.607.605
Bảo hiểm y tế	3.958.830	2.068.830
Phải trả vốn hỗ trợ kinh doanh	823.064.587.071	563.092.192.622
Phải trả chi phí sử dụng vốn	18.388.714.547	6.399.555.808
Phải trả lãi trái phiếu	105.055.137.109	104.073.120.940
Phải trả lãi vay ngân hàng	15.447.652.030	3.716.967.694
Phải trả lãi và khoản hoàn vốn góp hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	36.218.571.608	-
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	22.197.195.260	18.240.212.660
Phải trả khoản nhận trước tiền bán cổ phần cho Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	12.570.900.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.802.300.820	3.214.895.510
Các khoản phải trả khác	51.650.000	50.000.000
Cộng	1.035.822.652.880	698.854.621.669
b. Phải trả dài hạn khác		
Phải trả vốn hợp tác đầu tư (i)	204.997.665.309	248.316.163.927
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	103.807.351.111	71.557.351.111
Cộng	308.805.016.420	319.873.515.038
Tổng cộng	1.344.627.669.300	1.018.728.136.707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	345.172.985.818	391.763.893.626
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	63.436.197.075	61.891.096.631
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phú	177.192.523.785	173.847.856.009
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	103.807.351.111	103.807.351.111
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	12.570.900.000	3.887.087.200
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	193.887.831.857	186.417.978.891
Cộng	896.067.789.646	921.615.263.468

(i) Ngày 2 tháng 10 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R) để khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội nhằm hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Tỷ lệ góp vốn đầu tư vào dự án của CII B&R là 99,5% và của Công ty là 0,5% trên tổng vốn đầu tư vào dự án bằng nguồn vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2016		Phát sinh trong kỳ		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN. Thành phố Hồ Chí Minh (i)	99.128.230.027	99.128.230.027	292.271.347.870	392.724.036.781	199.580.918.938	199.580.918.938
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Tây Sài Gòn	-	-	17.001.155.000	46.506.070.734	29.504.915.734	29.504.915.734
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	141.511.334.000	141.511.334.000	-	-	85.699.000.000	85.699.000.000
Cộng	240.639.564.027	240.639.564.027	309.272.502.870	439.230.107.515	314.784.834.672	314.784.834.672

(i) Số dư vay cuối kỳ từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện khoản thấu chi theo hợp đồng ký ngày 11 tháng 9 năm 2015 giữa Công ty và ngân hàng. Theo đó, Công ty được cấp hạn mức thấu chi trị giá 100 tỷ VND trong thời gian từ ngày 11 tháng 9 năm 2015 đến ngày 14 tháng 2 năm 2016. Lãi suất thấu chi bằng lãi suất trên hợp đồng tiền gửi + 1%, lãi suất áp dụng trong kỳ là 5%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản thấu chi này là khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 100 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2016		Phát sinh trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay dài hạn	1.061.333.839.441	1.061.333.839.441	717.554.173.441	359.458.000.000	759.050.000.000	759.050.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN. Thành phố Hồ Chí Minh (i)	452.554.173.441	452.554.173.441	452.554.173.441	-	-	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn (ii)	185.000.000.000	185.000.000.000	185.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN 11, TP. Hồ Chí Minh (iii)	299.291.000.000	299.291.000.000	-	107.600.000.000	406.891.000.000	406.891.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á (iv)	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN TP. Hồ Chí Minh (v)	66.000.000.000	66.000.000.000	80.000.000.000	14.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1 Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	-	-	-	237.858.000.000	237.858.000.000	237.858.000.000
	(141.511.334.000)	(141.511.334.000)	-	-	(85.699.000.000)	(85.699.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

	30/06/2016		Phát sinh trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Trái phiếu	1.702.470.126.860	1.711.576.000.000	6.548.942.212	491.275.000.000	2.187.196.184.648	2.202.851.000.000
Trái phiếu hoán đổi cổ phiếu LGC phát hành năm 2015	522.879.126.860	528.725.000.000	5.896.942.212	491.275.000.000	1.008.257.184.648	1.020.000.000.000
Trái phiếu hoán đổi cổ phần Công ty BOT Trung Lương-Mỹ Thuận phát hành năm 2015	462.851.000.000	462.851.000.000	-	-	462.851.000.000	462.851.000.000
Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014	286.740.000.000	290.000.000.000	652.000.000	-	286.088.000.000	290.000.000.000
Trái phiếu 1000 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2013	430.000.000.000	430.000.000.000	-	-	430.000.000.000	430.000.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	-	-	-	-	-	-
Cộng vay và trái phiếu	2.763.803.966.301	2.772.909.839.441	724.103.115.653	850.733.000.000	2.946.246.184.648	2.961.901.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau

Vay dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	141.511.334.000	85.699.000.000
Trong năm thứ hai	370.899.334.000	276.817.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	690.434.505.441	482.233.000.000
	1.202.845.173.441	844.749.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(141.511.334.000)	(85.699.000.000)
Cộng	1.061.333.839.441	759.050.000.000

Trái phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	-	-
Trong năm thứ hai	-	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.182.851.000.000	1.182.851.000.000
Sau năm năm	528.725.000.000	1.020.000.000.000
	1.711.576.000.000	2.202.851.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(9.105.873.140)	(15.654.815.352)
Cộng	1.702.470.126.860	2.187.196.184.648

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(i) Số dư nợ vay cuối kỳ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Thành phố Hồ Chí Minh là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 02/2015/62769/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (Khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm. Hạn mức vay là 2.000 tỷ VND. Thời hạn vay không quá 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn nợ gốc là 36 tháng, thời hạn giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong giai đoạn thi công bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng công bố + biên độ 2.75%/ năm và điều chỉnh 6 tháng/lần, áp dụng từ thời điểm rút vốn vay đầu tiên cho đến khi nghiệm thu thi công dự án BT nhưng không muộn hơn ngày 31 tháng 12 năm 2016. Lãi suất vay sau giai đoạn thi công bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng công bố + biên độ 3%/ năm và điều chỉnh 6 tháng/lần, áp dụng ngay sau khi hết thời hạn áp dụng lãi suất vay giai đoạn thi công. Công ty sử dụng 69.700.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cầu đường CII - LGC mà Công ty đang sở hữu để cầm cố cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

(ii) Số dư nợ vay cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Sài Gòn là khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 0195/00316/04.HĐTDLTDH ngày 25 tháng 4 năm 2016 nhằm mục đích bổ sung vốn hợp tác đầu tư vào dự án thi công mở rộng Xa Lộ Hà Nội theo hợp đồng số 98/2012/HĐHTĐT-CII-15/8/12 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII. Vốn vay là 250 tỷ VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2016. Lãi suất cho vay 12 tháng đầu tiên là 9%/năm, từ năm thứ 2 bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố + biên độ tối thiểu 2.5%/năm. Lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ do Ngân hàng quyết định điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ năm thứ 2 trở đi. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 10.327.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn - SII mà Công ty đang nắm giữ.

(iii) Ngày 26 tháng 10 năm 2013, Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh (Vietinbank) đã ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện cho giai đoạn 2013-2020. Theo đó, Vietinbank sẽ tư vấn phát hành và đầu tư trái phiếu Công ty; cung cấp cho Công ty các sản phẩm về tài chính cho một số dự án mà Công ty đầu tư; cung cấp các dịch vụ tài khoản, tiền gửi và quản lý dòng tiền...cho Công ty. Tháng 11 năm 2013, Vietinbank đã thực hiện mua lại các khoản nợ vay đã được sử dụng để tài trợ cho dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông trên Xa Lộ Hà Nội, công ty dự án B.O.T Cầu Bình Triệu 2 (Phần 1, giai đoạn 2) và góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn. Số dư còn lại của khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 406.891.000.000 VND. Lãi suất của khoản vay này được thả nổi theo lãi suất của ngân hàng công bố trong từng thời kỳ. Lãi suất trong năm là khoảng 8,5%/năm. Khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay tại ngày ký hợp đồng là 108.818.508 cổ phiếu do Công ty sở hữu của một số công ty con và công ty liên kết, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại các cổ phiếu thế chấp này đã được giải tỏa. Công ty cam kết sử dụng nguồn thu từ hoạt động thu phí giao thông trạm Xa Lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc để thanh toán nợ vay.

(iv) Số dư nợ vay cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Á là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 30 tháng 6 năm 2015 để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (Khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm. Hạn mức vay là 430 tỷ VND. Thời hạn vay không quá 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn nợ gốc là 24 tháng. Lãi suất cho vay năm đầu tiên là 10.5%/năm, các năm tiếp theo được điều chỉnh theo lãi suất huy động thể nhân kỳ hạn 13 tháng trả lãi sau do Ngân hàng công bố + biên độ 3%/năm và điều chỉnh 12 tháng/lần. Công ty đã sử dụng 12.033.815 cổ phiếu NBB và 500.000 cổ phiếu LGC cùng lợi tức kèm các lợi ích vật chất khác phát sinh từ các cổ phiếu này để thế chấp cho khoản vay.

(v) Số dư nợ vay cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Sài Gòn là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 30 tháng 3 năm 2016 để bổ sung vốn hợp tác đầu tư vào dự án thi công mở rộng Xa Lộ Hà Nội theo hợp đồng số 98/2012/HĐHTĐT-CII-15/8/12 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII. Hạn mức vay là 80 tỷ VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2016. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở của TPBank kỳ hạn 3 tháng cộng biên độ 2%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Thông tin bổ sung cho các trái phiếu chưa đáo hạn

Trái phiếu hoán đổi cổ phiếu LGC phát hành cho Metro Pacific Tollways Corporation (MPTC)

Ngày 14 tháng 1 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng phát hành 1.020.000 trái phiếu hoán đổi cổ phiếu Công ty Cổ phần Cầu đường CII (mã cổ phiếu: LGC) cho MPTC. Việc phát hành trái phiếu được thực hiện thành 2 đợt. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã hoàn tất 2 đợt phát hành và thực hiện hoán đổi toàn bộ trái phiếu phát hành đợt 1. Thông tin chi tiết và trái phiếu đã phát hành như sau:

- Mệnh giá: 1.000.000 VND/trái phiếu (một triệu đồng);
- Số lượng trái phiếu: 1.020.000;
- Tổng mệnh giá 1.020.000.000.000 VND;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thông tin bổ sung cho các trái phiếu chưa đáo hạn (tiếp theo)

- Ngày phát hành: 11 tháng 3 năm 2015 (đợt 1) phát hành 491.275.000.000 VND và 14 tháng 9 năm 2015 (đợt 2) phát hành 528.725.000.000 VND;
- Thời hạn trái phiếu: 7 năm kể từ ngày hoàn tất
- Lãi trái phiếu: lãi trả sau hàng năm với lãi suất là 11%/năm;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Điều khoản về hoán đổi: trái phiếu được quyền hoán đổi vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày tròn 19 tháng kể từ ngày hoàn tất hoặc tại một thời điểm mà Công ty thông báo, MPTC sẽ có quyền yêu cầu hoán đổi bất kỳ trái phiếu nào còn đang lưu hành tại thời điểm đó. Quyền hoán đổi chỉ được thực hiện đối với ít nhất 10.000 trái phiếu;
- Giá hoán đổi là 18.000 VND và được điều chỉnh xuống giá thấp hơn nếu phát sinh các yếu tố pha loãng cổ phiếu LGC.
- Mục đích phát hành trái phiếu: bổ sung vốn lưu động tài trợ cho hoạt động kinh doanh;
- Tài sản đảm bảo: trái phiếu phát hành không có tài sản đảm bảo nhưng điều kiện để thực hiện được đi kèm với điều kiện Công ty phải chuyển nhượng thành công các công ty dự án cho CII B&R, bao gồm: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (i), Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội (ii); Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn (iii), Công ty TNHH BOT Rạch Miễu (iv) và một công ty dự án (v) do Công ty hoặc CII B&R sở hữu hoặc kiểm soát để xây dựng và thực hiện dự án Cầu Bình Triệu 2 hoặc một dự án có giá trị tương đương. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng 4 công ty dự án cho CII B&R. Trong trường hợp Công ty không thể hoàn tất việc chuyển nhượng các công ty dự án nêu trên thì sẽ phải bồi hoàn cho MPTC một khoản theo quy định của hợp đồng phát hành trái phiếu.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã hoàn tất một đợt hoán đổi trái phiếu với giá trị trái phiếu hoán đổi là 491.275.000.000 VND.

Trái phiếu hoán đổi cổ phần Công ty BOT Trung Lương - Mỹ Thuận phát hành cho VIAC (No. 1) Limited Partnership

- Mệnh giá: 1.000.000 VND/trái phiếu (một triệu đồng);
- Số lượng trái phiếu: 462.851;
- Tổng mệnh giá: 462.851.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 9 tháng 7 năm 2015;
- Thời hạn trái phiếu: 42 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi suất: 8%/năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: Lãi sẽ được thanh toán hàng năm kể từ ngày hoàn tất cho đến ngày sớm hơn giữa (i) ngày mà trái phiếu đó đã được mua lại toàn bộ và đã được thanh toán đầy đủ tiền lãi và (ii) ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Điều khoản về hoán đổi: trái phiếu được quyền hoán đổi vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày ký hợp đồng cho đến ngày đáo hạn. Quyền hoán đổi được thực hiện cho bất kỳ trái phiếu nào đang còn lưu hành tại thời điểm đó;
- Giá hoán đổi là 10.000 VND. Tổng số cổ phần hoán đổi do nhà đầu tư nắm giữ sẽ tương đương với ít nhất 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận;
- Mục đích phát hành trái phiếu: bổ sung vốn lưu động tài trợ cho hoạt động kinh doanh;
- Tài sản đảm bảo: 20% và 30% cổ phần của Công ty BOT Trung Lương- Mỹ Thuận sở hữu lần lượt bởi Công ty CII B&R và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc.

Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 650 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Ngày phát hành: 28 tháng 2 năm 2014;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thông tin bổ sung cho các trái phiếu chưa đáo hạn (tiếp theo)

- Thời hạn trái phiếu: 5 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: Lãi suất trong 6 tháng đầu tiên là 12%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam + biên độ 3,6%/năm;
- Mục đích: Đầu tư vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu, góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII, mua cổ phần của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, đầu tư vào dự án BOT Mở rộng Xa lộ Hà Nội và cơ cấu lại khoản vay tại Vietinbank;

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã mua lại trước hạn 360 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 360 tỷ VND.

Trái phiếu 1000 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2013

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 1.000 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Ngày phát hành: 17 tháng 4 năm 2013;
- Thời hạn trái phiếu: 6 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: 13,2%/năm.
- Mục đích: Đầu tư vào dự án Cầu Sài Gòn 2.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã mua lại trước hạn 570 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 570 tỷ VND.

Công ty đã sử dụng cổ phần của một số công ty con và công ty liên kết để cầm cố, thế chấp cho các trái phiếu phát hành cho Vietinbank. Cụ thể:

	Số lượng cổ phần
Công ty Cổ phần Đầu tư 577	2.500.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	25.101.850
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	2.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	21.100.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	39.650.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	31.186.500
Công ty Cổ phần Hòa Phú	3.300.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016	1/1/2016
	VND	VND
Dự phòng phải trả Kênh Đông Water Holdings	48,534,083,235	48,534,083,235
Dự phòng phải trả Metro Pacific Tollways	97,516,694,445	97,516,694,445
Cộng	146,050,777,680	146,050,777,680

Dự phòng phải trả Công ty phải trả cho Công ty Kênh Đông Water Holdings là khoản bồi hoàn theo Hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông giữa Công ty và Manila Water Company, Inc., (nhà đầu tư nước ngoài). Công ty phải bồi hoàn cho Nhà đầu tư nước ngoài đối với các tổn thất phát sinh do hoạt động sản xuất thương mại của dự án Kênh Đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông không được bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 năm 2013. Hoạt động phát nước thương mại của nhà máy nước Kênh Đông được chính thức bắt đầu vào ngày 8 tháng 7 năm 2013, do đó Công ty phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn cho nhà đầu tư theo cam kết.

Dự phòng phải trả cho Metro Pacific Tollways (MPTC) thể hiện nghĩa vụ phải bồi hoàn của Công ty khi Công ty không thể hoàn tất một trong số các điều kiện tiên quyết của hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá về khả năng hoàn tất các điều kiện tiết quyết là khó thực hiện, do đó để đảm bảo về an toàn tài chính, Công ty đã lập dự phòng cho nghĩa vụ tài chính nêu trên.

17
ÔN
NH
M
AN
QU
YU

S.B.K
QU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	30/06/2016		Phát sinh trong kỳ		01/01/2016	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2014	67.756.000.000	67.756.000.000	-	150.428.000.000	218.184.000.000	218.184.000.000
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2011	-	-	2.401.220.992	578.799.000.000	576.397.779.008	578.799.000.000
Cộng	67.756.000.000	67.756.000.000	2.401.220.992	729.227.000.000	794.581.779.008	796.983.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Các trái phiếu chuyển đổi đáo hạn theo lịch biểu sau:

	30/06/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	67.756.000.000	578.799.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	218.184.000.000
Cộng	67.756.000.000	796.983.000.000
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	-	(2.401.220.992)
Tổng cộng	67.756.000.000	794.581.779.008

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Thông tin chi tiết về trái phiếu chuyển đổi

Mệnh giá 1.081.846.000.000 VND, phát hành tháng 6/2014

- Mệnh giá: 1.000.000 VND;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Các cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty;
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành. Trái phiếu được phép chuyển đổi sau 06 tháng kể từ ngày phát hành chia thành 06 đợt như sau:
 - + Đợt 1: 06 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 2: 12 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 3: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 4: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 5: 48 tháng kể từ ngày phát hành;
 - + Đợt 6: 60 tháng kể từ ngày phát hành.Vào ngày đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, toàn bộ trái phiếu chưa chuyển đổi sẽ được hoàn trả vốn gốc và lãi cho trái chủ.
- Lãi trái phiếu: 12%/năm, được thanh toán 1 năm/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu;
- Giá chuyển đổi: 11.000 VND/cổ phần;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Mục đích sử dụng vốn: Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII, hoàn trả một phần nợ gốc trái phiếu phát hành năm 2007, đầu tư vào dự án xây dựng cao ốc văn phòng 152 Điện Biên Phủ và bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã tiến hành 3 đợt chuyển đổi trái phiếu với tổng số lượng trái phiếu được chuyển đổi là 1.014.090, tương đương tổng mệnh giá là 1.014.090.000.000 VND, thành 92.180.368 cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	1.867.549.040.000	143.522.399.777	-	100.461.873.682	288.428.296.831	2.399.961.610.290
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	402.831.340.000	7.327.660.000	-	-	-	410.159.000.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	10.260.000.000	-	-	-	-	10.260.000.000
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(196.643.412.000)	-	-	(196.643.412.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	432.865.413.867	432.865.413.867
Chia cổ tức	-	-	-	-	(610.776.333.200)	(610.776.333.200)
Chia lợi nhuận hợp tác đầu tư cho CII B&R (i)	-	-	-	-	(32.032.393.439)	(32.032.393.439)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	19.408.424.461	(38.816.837.922)	(19.408.413.461)
Giảm khác	-	(18.600.000)	-	-	-	(18.600.000)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	2.280.640.380.000	150.831.459.777	(196.643.412.000)	119.870.298.143	39.668.146.137	2.394.366.872.057
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	457.641.990.000	229.369.893.100	-	-	-	687.011.883.100
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	431.075.504.390	431.075.504.390
Chia lợi nhuận hợp tác đầu tư cho CII B&R (i)	-	-	-	-	(9.549.542.747)	(9.549.542.747)
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	40.315.529.283	(80.631.058.566)	(40.315.529.283)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	2.738.282.370.000	380.201.352.877	(196.643.412.000)	160.185.827.426	380.563.049.214	3.462.589.187.517

(i) Khoản chia lợi nhuận từ hoạt động thu phí trạm Xa Lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R) được thực hiện theo hợp đồng hợp tác đầu tư quyền thu phí như đã trình bày tại Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phần

	30/06/2016 Cổ phần	01/01/2016 Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	273.828.237	228.070.438
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	273.828.237	228.064.038
+ Cổ phần phổ thông	273.828.237	228.064.038
Số lượng cổ phần đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	9.810.000	9.810.000
+ Cổ phần phổ thông	9.810.000	9.810.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	264.018.237	218.254.038
+ Cổ phần phổ thông	264.018.237	218.254.038
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Doanh thu thu phí giao thông trạm Xa lộ Hà nội hoàn vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiếc	197.849.130.000	183.276.790.000
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(7.788.000.000)	(6.570.000.000)
Doanh thu thuần	190.061.130.000	176.706.790.000

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	134.537.408.400	115.830.931.280
Cộng	134.537.408.400	115.830.931.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thu nhập từ đầu tư chứng khoán, chuyển nhượng các khoản đầu tư	392.276.282.011	316.980.879.780
Cổ tức, lợi nhuận được chia	132.215.062.582	131.185.152.799
Thu nhập từ phát hành trái phiếu hoán đổi	-	88.767.079.616
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.134.601.793	34.857.763.201
Lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng các công ty dự án	-	56.625.446.939
Lãi đầu tư trái phiếu	25.793.827.777	1.595.029.219
Cộng	591.419.774.163	630.011.351.554

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí lãi vay	166.851.499.001	158.616.052.285
Chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	9.196.663.738	39.515.965.076
Lỗ và chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	8.424.844.724	-
(Hoàn nhập)/lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện chuyển đổi trái phiếu	(42.205.116.900)	16.420.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	24.112.413.980	-
Chi phí tài chính khác	1.215.704.292	2.019.579.324
Cộng	167.596.008.835	216.571.596.685

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí in vé thu phí giao thông	340.119.621	349.348.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.305.804.258	1.209.626.814
Cộng	1.645.923.879	1.558.975.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.935.958.974	13.232.979.119
Chi phí đồ dùng văn phòng	287.898.712	253.967.480
Chi phí khấu hao	193.935.120	310.238.820
Thuế, phí và lệ phí	439.917.458	4.140.825.256
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(45.000.000.000)	17.165.395.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.447.061.299	3.156.946.573
Chi phí bằng tiền khác	527.278.818	299.096.727
Cộng	(28.167.949.619)	38.559.449.008

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	505.819.534.334	430.484.886.754
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	115.677.970	4.186.285.030
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(132.215.062.582)	(131.185.152.799)
Thu nhập chịu thuế	373.720.149.722	303.486.018.985
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	74.744.029.944	66.766.924.177
Thuế TNDN năm trước bổ sung	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	74.744.029.944	66.766.924.177

Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay và nợ	3.081.305.403.468	3.494.869.834.672
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(602.775.296.061)	(410.397.717.943)
Nợ thuần	2.478.530.107.407	3.084.472.116.729
Vốn chủ sở hữu	3.462.589.187.517	2.394.366.872.057
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	72%	129%

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty vì Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật, một lĩnh vực yêu cầu giá trị vốn tài trợ lớn. Mặt khác, trong tổng giá trị nợ và vay được sử dụng để xác định tỷ lệ nợ thuần, chủ yếu là các khoản nợ dài hạn trong đó bao gồm các khoản trái phiếu hoán đổi và chuyển đổi. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng phần lớn các nhà đầu tư sẽ thực hiện chuyển đổi hoặc hoán đổi các trái phiếu này trong tương lai thay vì nhận thanh toán bằng tiền nên Công ty sẽ đảm bảo được khả năng thanh toán cho các khoản nợ khi đến hạn.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH		
Tiền và tương đương tiền	602.775.296.061	410.397.717.943
Các khoản cho vay	898.408.131.089	900.282.102.690
Phải thu khách hàng	466.979.645.507	36.979.645.507
Phải thu khác	337.358.747.209	301.486.280.882
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.209.561.292.992	4.570.121.122.392
Cộng	6.515.083.112.858	6.219.266.869.414
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH		
Phải trả người bán	276.006.507.472	260.108.906.798
Phải trả khác	1.237.992.072.934	943.888.213.651
Dự phòng phải trả	146.050.777.680	146.050.777.680
Các khoản vay	1.301.973.403.468	1.073.834.834.672
Trái phiếu thông thường	720.000.000.000	720.000.000.000
Trái phiếu hoán đổi	991.576.000.000	1.482.851.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	67.756.000.000	218.184.000.000
Cộng	4.741.354.761.554	4.844.917.732.801

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2016		01/01/2016	
	USD	VND	USD	VND
Tài sản tài chính	1.155,96	24.708.013	1.155,67	24.708.013
Nợ phải trả tài chính	-	-	-	-

Thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các công ty con, các công ty liên kết và các đối tác đầu tư lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
TẠI NGÀY 30/06/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	602.775.296.061	-	-	602.775.296.061
Các khoản cho vay	827.985.143.784	70.422.987.305	-	898.408.131.089
Phải thu khách hàng	466.979.645.507	-	-	466.979.645.507
Phải thu khác	190.537.469.349	146.821.277.860	-	337.358.747.209
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	4.209.561.292.992	4.209.561.292.992
Cộng	2.088.277.554.701	217.244.265.165	4.209.561.292.992	6.515.083.112.858
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	276.006.507.472	-	-	276.006.507.472
Phải trả khác	1.032.994.407.625	-	204.997.665.309	1.237.992.072.934
Dự phòng phải trả	146.050.777.680	-	-	146.050.777.680
Các khoản vay	240.639.564.027	1.061.333.839.441	-	1.301.973.403.468
Trái phiếu thông thường	-	720.000.000.000	528.725.000.000	1.248.725.000.000
Trái phiếu hoán đổi	-	462.851.000.000	-	462.851.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	67.756.000.000	-	-	67.756.000.000
Cộng	1.763.447.256.804	2.244.184.839.441	733.722.665.309	4.741.354.761.554
Chênh lệch thanh khoản thuần	324.830.297.897	(2.026.940.574.276)	3.475.838.627.683	1.773.728.351.304
TẠI NGÀY 01/01/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	410.397.717.943	-	-	410.397.717.943
Các khoản cho vay	874.631.105.090	25.650.997.600	-	900.282.102.690
Phải thu khách hàng	36.979.645.507	-	-	36.979.645.507
Phải thu khác	199.660.003.022	101.826.277.860	-	301.486.280.882
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	4.570.121.122.392	4.570.121.122.392
Cộng	1.521.668.471.562	127.477.275.460	4.570.121.122.392	6.219.266.869.414
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	260.108.906.798	-	-	260.108.906.798
Phải trả khác	695.572.049.724	-	248.316.163.927	943.888.213.651
Dự phòng phải trả	146.050.777.680	-	-	146.050.777.680
Các khoản vay	314.784.834.672	759.050.000.000	-	1.073.834.834.672
Trái phiếu thông thường	-	720.000.000.000	-	720.000.000.000
Trái phiếu hoán đổi	-	462.851.000.000	1.020.000.000.000	1.482.851.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	-	218.184.000.000	-	218.184.000.000
Cộng	1.416.516.568.874	2.160.085.000.000	1.268.316.163.927	4.844.917.732.801
Chênh lệch thanh khoản thuần	105.151.902.688	(2.032.607.724.540)	3.301.804.958.465	1.374.349.136.613

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chênh lệch thanh khoản thuần trong khoảng thời gian từ 1 đến 5 năm âm chủ yếu là do các khoản trái phiếu chuyển đổi và hoán đổi. Công ty tin tưởng rằng các trái phiếu này sẽ được chuyển đổi hoặc hoán đổi theo kế hoạch của Công ty và Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các bên liên quan là các công ty con và công ty liên kết, tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty còn có bên liên quan khác là các công ty con, công ty liên kết đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con như đã trình bày tại **Thuyết minh số 1 - Thông tin khái quát**. Chi tiết số dư và giao dịch trong kỳ với các bên liên quan này như sau:

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ với các bên liên quan này bao gồm

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội		
Cho vay	32.215.000.000	24.000.000.000
Thu hồi tiền cho vay	-	48.500.000.000
Lãi cho vay phải thu	6.828.162.539	6.215.521.723
Các khoản chi hộ	-	225.825.600
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn		
Lợi nhuận được chia/(hoàn trả) trong kỳ	6.267.951.907	-
Chi phí sử dụng vốn phải trả	258.072.094	-
Các khoản chi hộ	235.488.000	225.825.600
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ		
	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lương	4.026.929.624	3.955.647.588
Thưởng và các khoản thu nhập khác	9.174.748.591	7.563.292.323
Cộng	13.201.678.215	11.518.939.911

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty thực hiện lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho dòng tiền từ hoạt động kinh doanh theo phương pháp gián tiếp. Các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng được chuyển đổi từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp để đảm bảo tính so sánh với số liệu báo cáo kỳ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 29 tháng 6 năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt phương án mua lại 24.015.000 cổ phiếu quỹ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận chưa phân phối của Công ty. Thời gian giao dịch dự kiến là từ ngày 28 tháng 7 năm 2016 đến ngày 27 tháng 8 năm 2016.



Nguyễn Thị Tuyết Nhung
Người lập biểu
Ngày 29 tháng 8 năm 2016



Nguyễn Thị Mai Hương
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc